.

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **265**/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 22/6/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- **Thành phần hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Minh Thu**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Việt**

Bà Vũ Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh- Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐ-HPT ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Huyền T**, sinh năm 1996;

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1996;

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 và trong các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Huyền Trang trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Hoài N xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 13/7/2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà ở tại đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đầu năm 2021 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trong lời ăn, tiếng nói, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay, chị đã chuyển sang thuê trọ ở nhà khác gần đó (ngách B đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội), không ai còn quan tâm đến ai. Chị không còn tình cảm với anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018. Hiện cháu N đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Gia N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoài N nhận được thông báo của Toà án, nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có bản khai hoặc ý kiến trình bày cho Toà án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trang.

Xác minh tại địa phương nơi chị T và anh N sinh sống cung cấp: Chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Hoài N đăng ký kết hôn tại xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 13/7/2018. Anh N và chị T thuê nhà, sinh sống tại địa chỉ đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được, chỉ biết chị T cùng con gái chuyển sang thuê trọ tại địa chỉ khác từ đó cho đến nay. Chị T xin ly hôn với anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018. Trường hợp anh chị giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cháu. Về tài sản chung, nợ chung của chị T và anh N, địa phương không nắm được.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn - chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N và đề

nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018 để chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về phần tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là tự từ chối quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 58, 59 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Chị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Huyền T và anh Nguyễn Hoài N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 13/7/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện anh Nguyễn Hoài N đang cư trú tại địa chỉ nhà đường Xuân Đỉnh, TDP Xuân Lộc 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị T đơn phương xin ly hôn anh N, yêu cầu của chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, không khai báo, không trình bày quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn của chị Trang. Hội đồng xét xử đánh giá anh Nguyễn Hoài N tự mình từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hoài N.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lời ăn, tiếng nói, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh N đều vắng mặt, không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018. Hiện cháu N đang ở cùng chị, chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con. Xuất phát từ quyền lợi của cháu N cũng như điều kiện nơi ăn ở của anh chị, thấy rằng: Cháu N hiện đang sống ổn định cùng chị Trang, cháu còn nhỏ lại là con gái. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng cụ thể, nên giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T không đề nghị anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39, 146, 147, 227, 228, 262, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huyền T. Tuyên bố chị Nguyễn Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

2. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Gia N, sinh ngày 08/11/2018. Giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Không

4.Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2020/0043656 ngày 14/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS quận Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Minh Thu